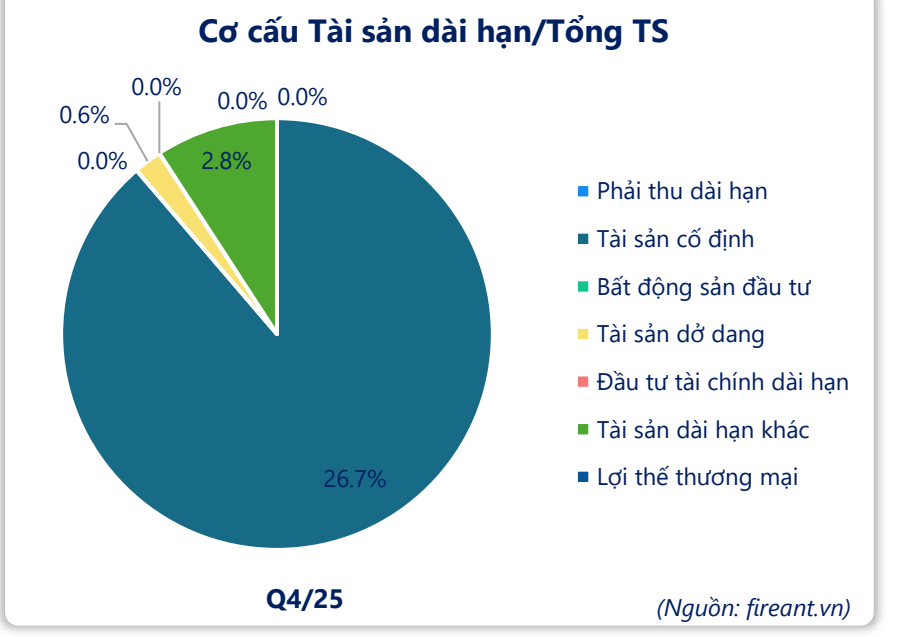
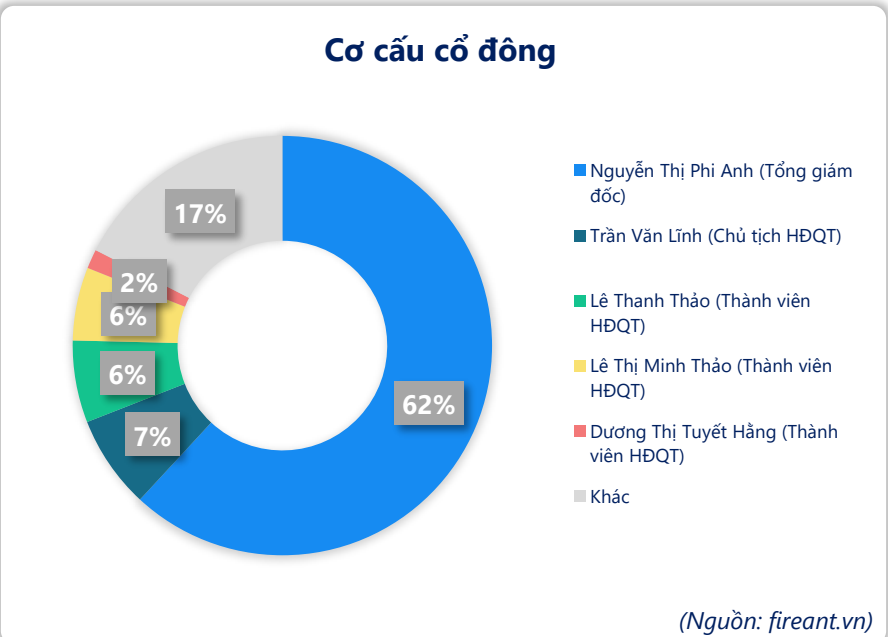
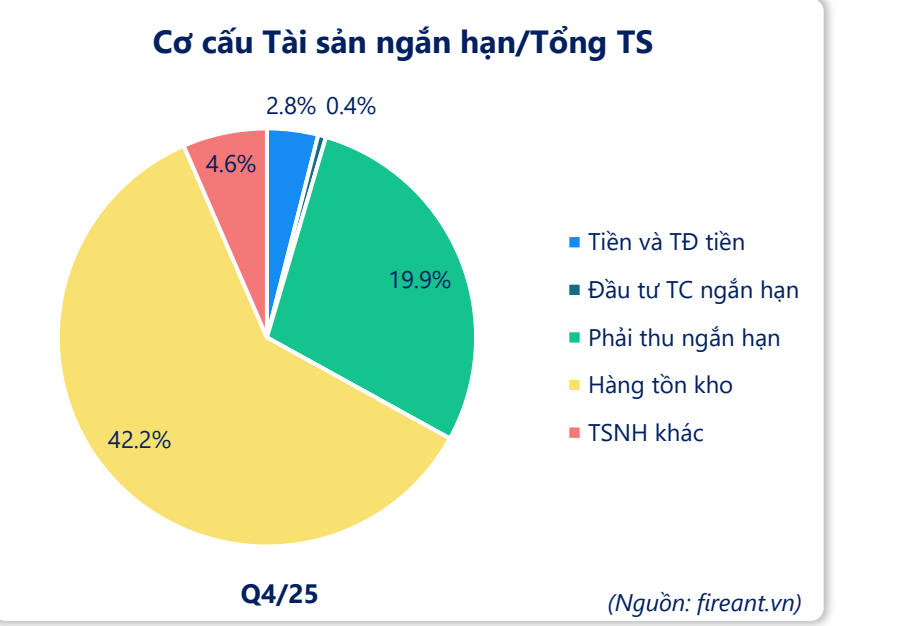
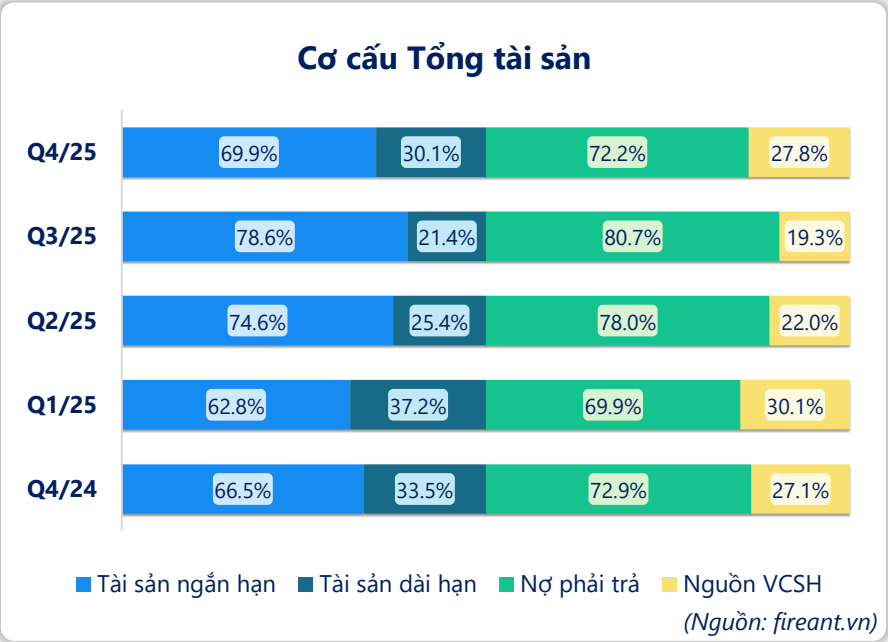
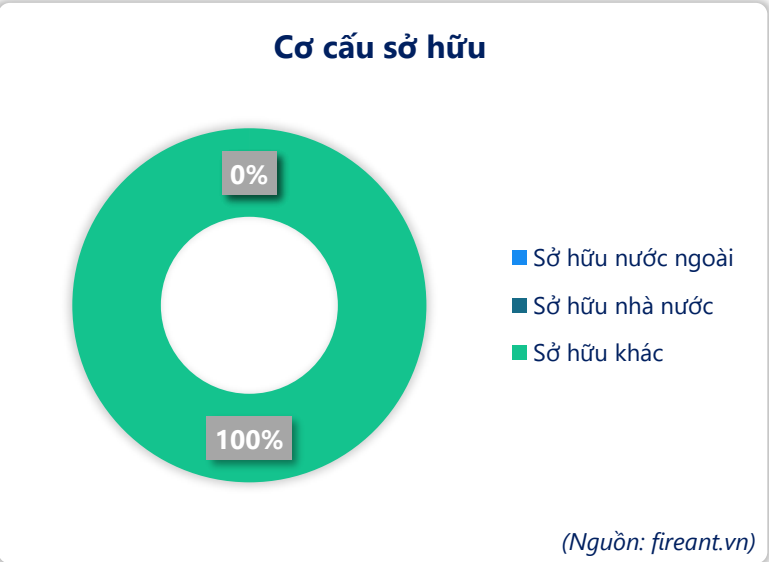
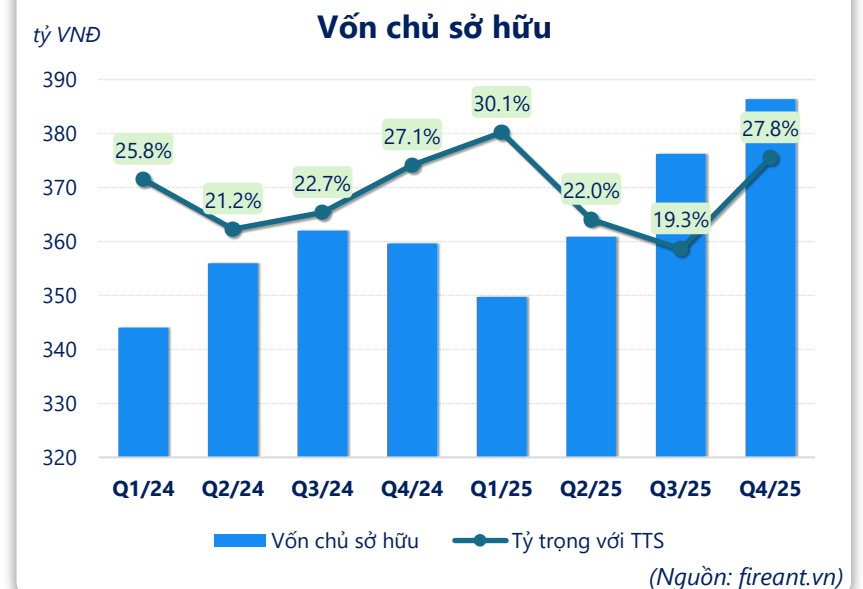
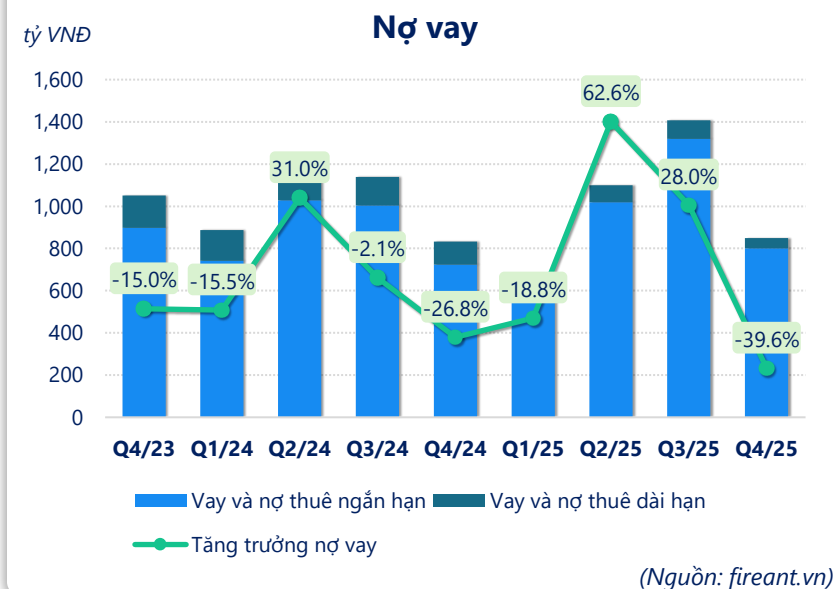
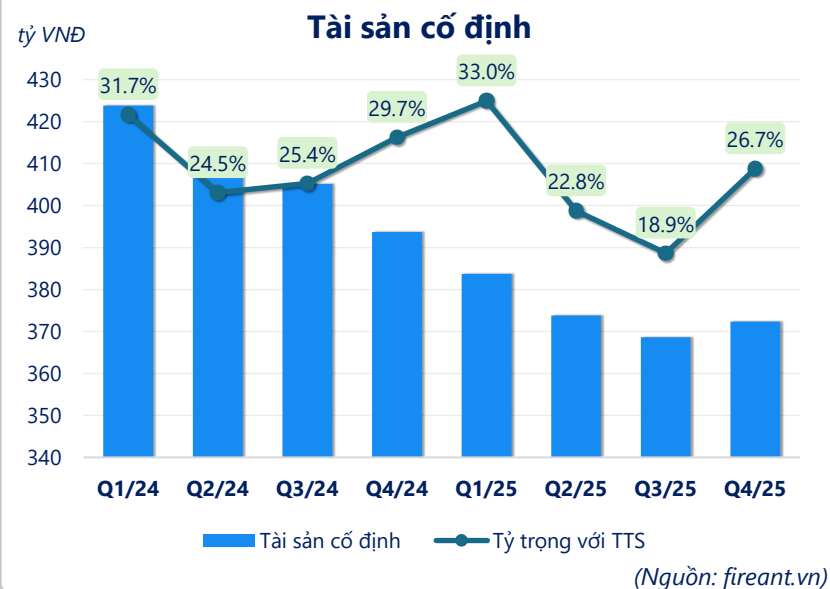
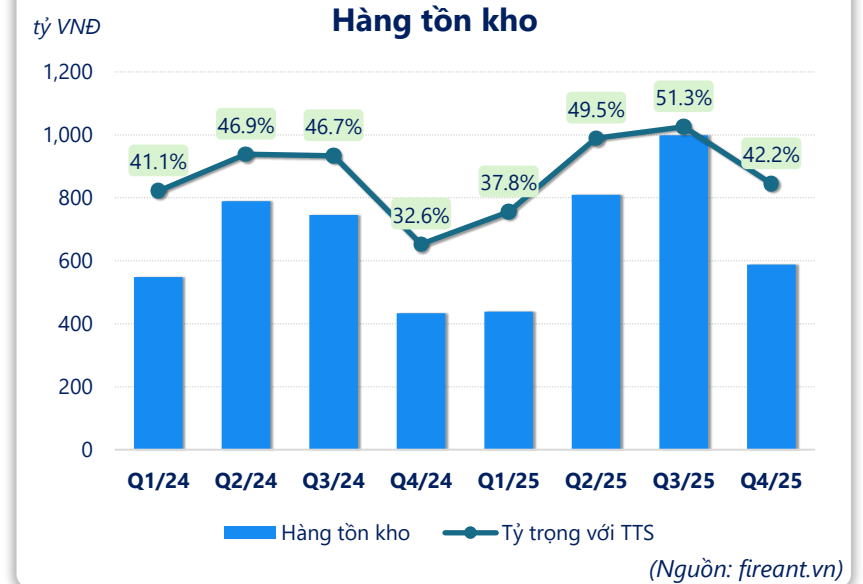
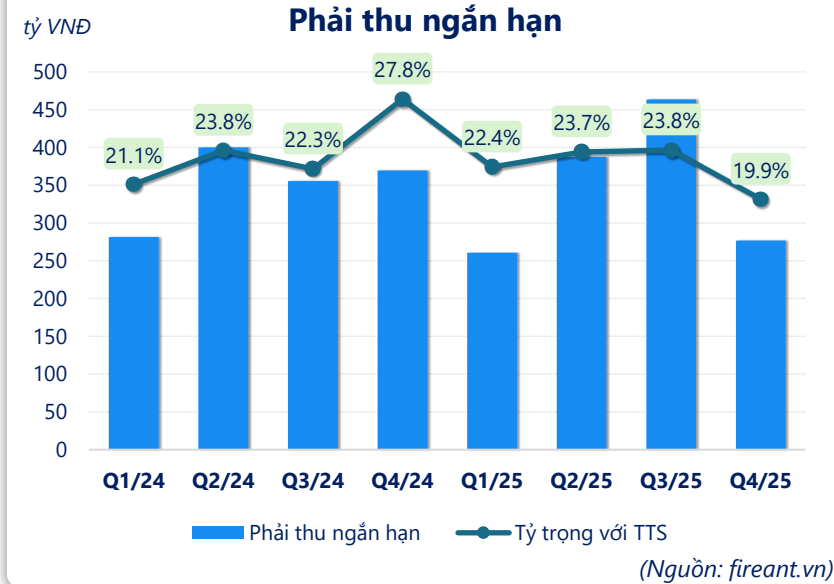
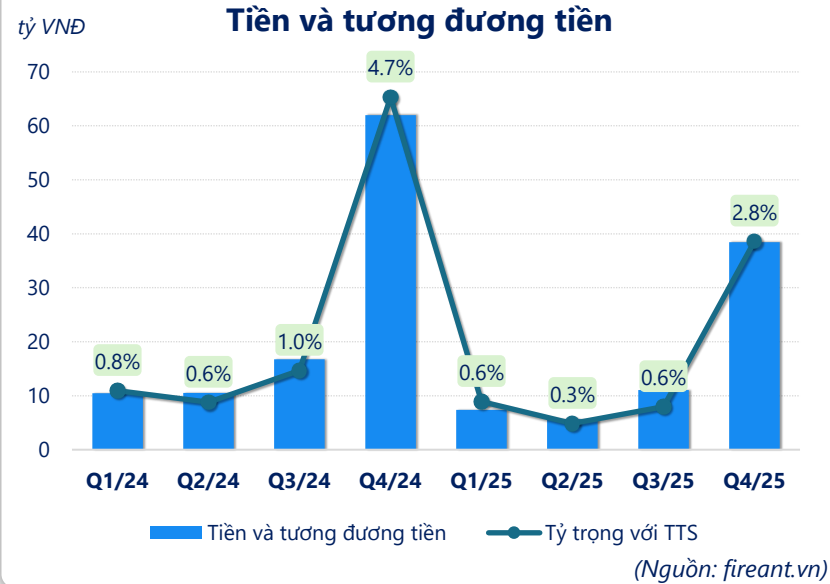
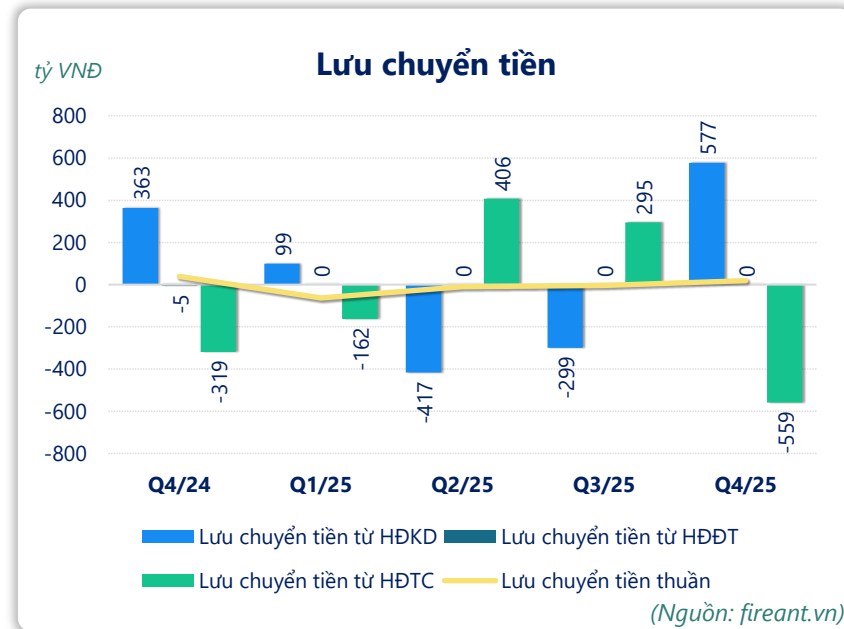
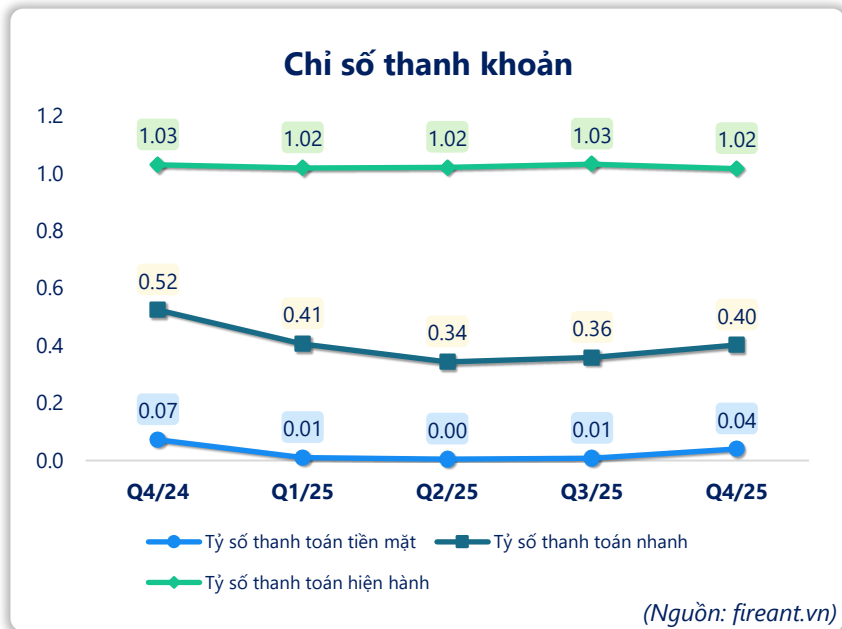
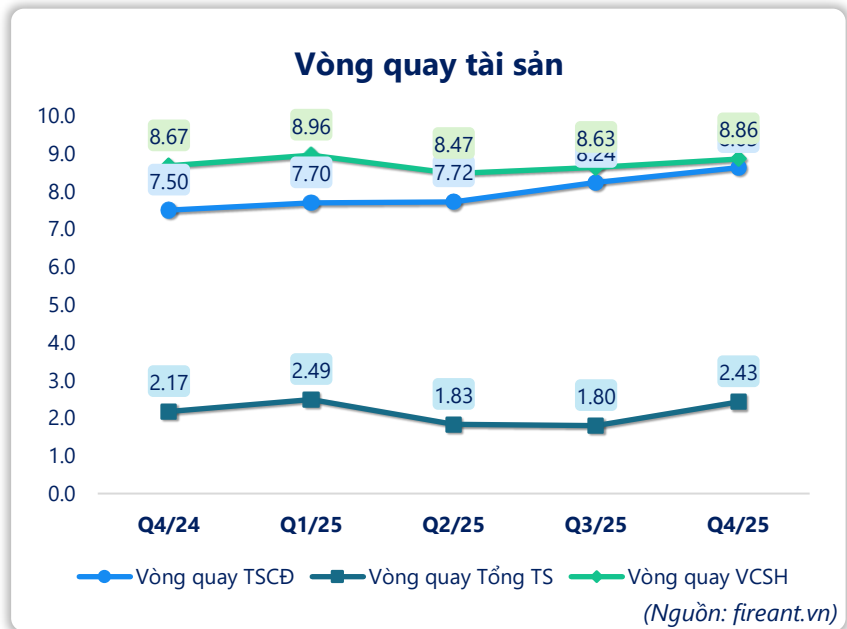
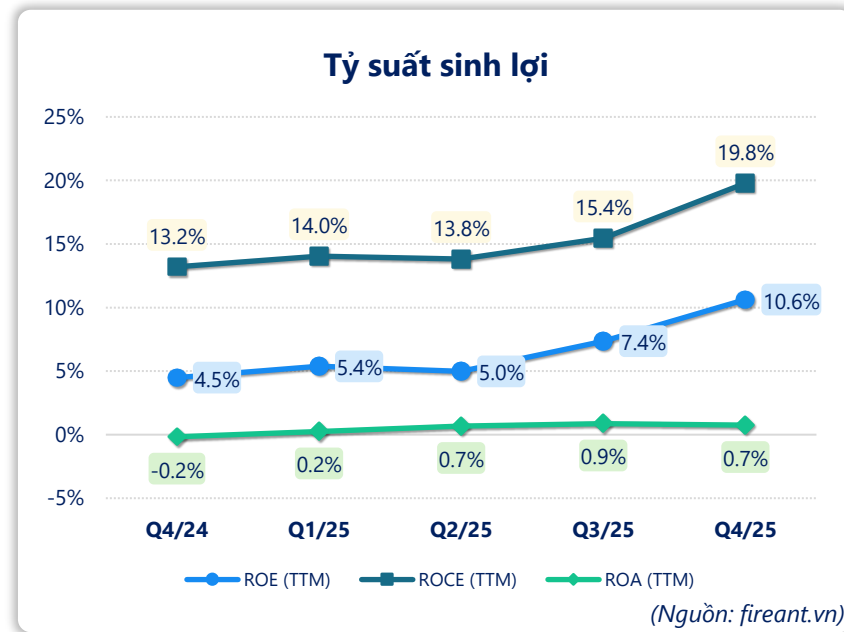
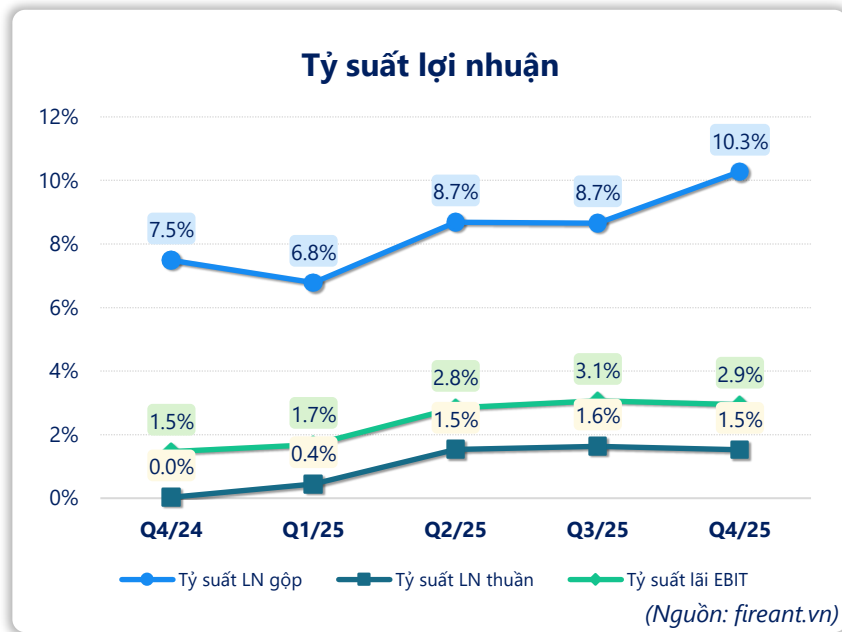
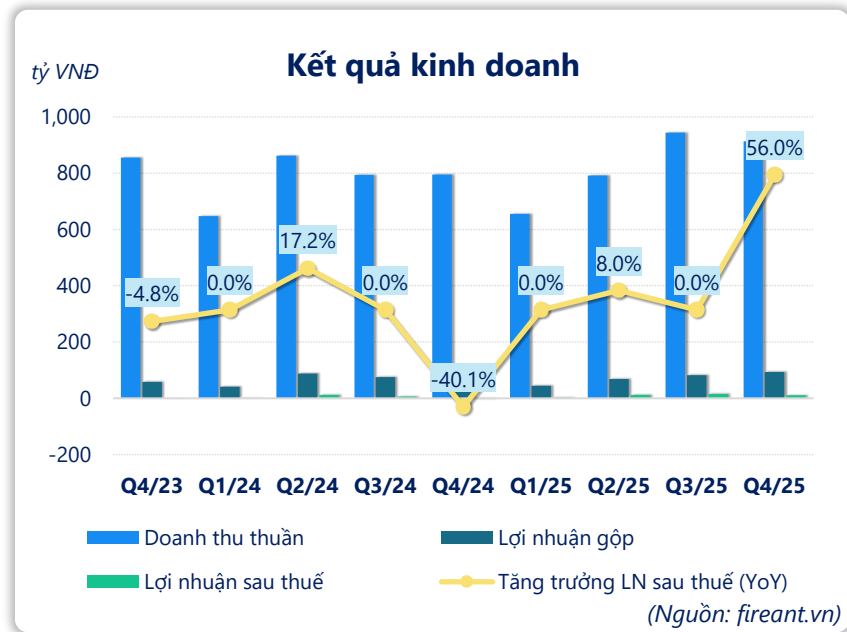


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,792
SL cổ phiếu LH		21,610,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,275
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		223
P/E		5.6
EPS		1,835

	YTD	1T	3T	6T
THP	28.5%	17.9%	14.1%	16.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,392	1,325	5.1%
Tài sản ngắn hạn	973	881	10.4%
Tiền và tương đương tiền	38.4	62.0	-38.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.95	7.36	-19.1%
Phải thu ngắn hạn	277	354	-21.9%
Hàng tồn kho	588	446	31.8%
Tài sản ngắn hạn khác	63.4	11.0	475%
Tài sản dài hạn	420	444	-5.5%
Phải thu dài hạn	0	6.41	-100%
Tài sản cố định	372	394	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.83	7.06	25.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	38.5	37.0	3.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,006	969	3.8%
Nợ ngắn hạn	957	860	11.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	801	723	10.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	49.0	51.9	-5.6%
Nợ dài hạn	48.4	110	-55.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	48.4	110	-55.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	386	356	8.6%
Vốn chủ sở hữu	386	356	8.6%
Vốn điều lệ	216	216	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	795	655	792	944	914
Giá vốn hàng bán	736	611	723	862	820
Lợi nhuận gộp	59.5	44.5	68.8	81.7	93.9
Doanh thu HĐTC	17.0	11.2	14.1	11.6	12.2
Chi phí TC	26.3	13.4	25.3	23.1	14.5
Chi phí lãi vay	11.8	8.00	9.01	13.6	13.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	39.4	28.2	34.0	44.3	64.5
Chi phí QLDN	10.6	11.2	11.4	10.6	13.1
LN thuần từ HĐKD	0.24	2.93	12.1	15.4	13.9
Lợi nhuận khác	-0.33	0.10	1.41	-0.05	-0.26
LN trước thuế	-0.09	3.03	13.5	15.3	13.7
Lợi nhuận sau thuế	-2.36	3.03	11.1	15.3	10.1
LNST của CĐ cty mẹ	-2.36	3.03	11.1	15.3	10.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	363	99.0	-417	-299	577
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.49	0.20	0.11	0.03	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-319	-162	406	295	-559
Tiền đầu kỳ	16.8	62.0	7.40	5.68	11.1
Lưu chuyển tiền thuần	38.7	-63.2	-10.3	-3.54	18.3
Ảnh hưởng tỷ giá	6.54	8.62	8.54	8.94	9.08
Tiền cuối kỳ	62.0	7.40	5.68	11.1	38.4

(Nguồn: fireant.vn)